

Nhìn lại ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình ở khu vực Đông Nam Á (2012-2021)

Nguyễn Thị Phương Hoa*

Nhận ngày 15 tháng 12 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 2 năm 2022.

Tóm tắt: Bài viết đánh giá về ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình trong 10 năm qua (2012-2021) từ ba góc độ: chính sách và mục tiêu mà chính sách hướng đến, công cụ thực hiện và cách thức triển khai. Trung Quốc khẳng định vẫn đi theo chính sách ngoại giao láng giềng đã đưa ra từ trước đó nhưng đã bổ sung thêm ý niệm mới “thân, thành, huệ, dung” và phục tùng, phục vụ mục tiêu chiến lược cao hơn, đó là “giấc mơ Trung Quốc” thực hiện phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa, từ đó có ảnh hưởng mang tính quyết định đến việc thực hiện chính sách này trên thực tế. Công cụ thực hiện, cách thức triển khai chính sách này trên thực tế có điểm tiếp tục, điểm điều chỉnh và chúng đan xen với nhau.

Từ khóa: Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc, Việt Nam, Myanmar, Campuchia.

Phân loại ngành: Quan hệ quốc tế

Abstract: The paper assesses China's neighbourhood diplomacy under Xi Jinping in the ten years of 2012-2021 from three perspectives: the policy and the objectives to which it is aimed, and the tools and methods of implementation. China affirms that it still follows the diplomacy outlined earlier, but has also added the new concepts of “amity, sincerity, mutual benefit and inclusiveness” to comply with and serve a higher strategic goal, which is the “Chinese dream” to realise the great renaissance of the Chinese nation. That, thus, has been exerting decisive impact on the implementation of the policy. Its tools and methods of implementation include both continuity and adjustments, and are intertwined.

Keywords: China's neighbourhood diplomacy, Vietnam, Myanmar, Cambodia.

Subject classification: International relations

* Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: qhphuonghoa@yahoo.com

1. Mở đầu

Ngoại giao láng giềng vốn là một bộ phận cấu thành quan trọng, được xác định là trọng tâm của trọng tâm trong bố cục ngoại giao tổng thể của Trung Quốc. Dưới thời Tập Cận Bình, tức là từ Đại hội XVIII năm 2012 đến nay, ngoại giao láng giềng của Trung Quốc được đặc biệt coi trọng, với việc lần đầu tiên Trung ương Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc tổ chức một hội nghị chuyên đề về công tác ngoại giao láng giềng vào tháng 10/2013 với quy cách và hình thức đặc biệt. Chính sách này có điểm tiếp tục, không thay đổi, nhưng cũng có điều chỉnh nhất định, gắn với dấu ấn cá nhân của ông Tập Cận Bình. Tuy nhiên, chúng đan xen với nhau, trong bản thân điểm tiếp tục, không thay đổi, vẫn có điều chỉnh và điều chỉnh là để phục vụ điểm không thay đổi. Bài viết này¹ đánh giá về ngoại giao láng giềng của Trung Quốc 10 năm qua từ ba góc độ: chính sách và mục tiêu mà chính sách hướng đến, công cụ thực hiện và cách thức triển khai. Để làm rõ hơn chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình, bài viết tập trung dẫn chứng qua trường hợp quan hệ giữa Trung Quốc với ba nước đã xây dựng quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc ở Đông Nam Á là Việt Nam, Myanmar và Campuchia.

2. Về chính sách và mục tiêu

Dưới thời Tập Cận Bình, Trung Quốc khẳng định vẫn đi theo chính sách ngoại giao láng giềng là: “láng giềng hòa mục, láng giềng yên ổn, láng giềng giàu có”, phương châm ngoại giao “thân thiện với láng giềng, coi láng giềng là đối tác” được đề ra từ đầu thế kỷ XXI. Báo cáo Đại hội XVIII nêu: “Trung Quốc sẽ kiên trì thân thiện với láng giềng, coi láng giềng là đối tác, củng cố láng giềng hữu nghị, đi sâu hợp tác cùng có lợi, cố gắng làm cho sự phát triển của bản thân ban đến các nước xung quanh tốt hơn” (Mạng Nhân dân, 2012). Nhưng điểm cần chỉ ra là cơ sở để thực hiện và triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời ông Tập Cận Bình đã khác trước rất nhiều, đó là họ đã bước vào thời đại mới mạnh lên và đã tiến gần đến trung tâm của vũ đài chính trị thế giới gần hơn bao giờ hết. Hơn nữa, sự “không kiên nhẫn với hiện trạng, sẵn sàng chấp nhận rủi ro cao và vội vã thách thức trật tự quốc tế” của ông Tập Cận Bình (Jude Blanchette, 2021), một người theo chủ nghĩa dân tộc, với sự tập trung quyền lực cao độ, cũng có ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai chính sách ngoại giao láng giềng trên thực tế.

Ngoại giao láng giềng vẫn là phục vụ và phục tùng mục tiêu chiến lược của Trung Quốc, nhưng mục tiêu chiến lược của Trung Quốc dưới thời ông Tập Cận Bình ngoài việc được cụ thể hóa bằng các bước đi, còn được khái quát cao hơn và mang tính dân tộc đậm đặc, đó là thực hiện “giấc mơ Trung Quốc” phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa. “Giấc mơ Trung Quốc thực chất nhằm mục đích tái thiết quyền lực và ảnh hưởng của Trung Quốc,

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 506.01-2018.300.

yêu sách chủ quyền với vùng lãnh thổ mà theo quan điểm của Trung Quốc là đã thuộc về nước này trong quá khứ” (Axel Berkofsky, 2016). Vì vậy, ngoại giao láng giềng không chỉ nhằm thực hiện mục tiêu tạo môi trường xung quanh ổn định cho phát triển trong nước, cho thực hiện chiến lược “đi ra ngoài” và “thu hút vào trong” chủ yếu nghiêng về kinh tế như trước đó, mà quan trọng hơn là phục vụ cho giấc mơ trở lại vị trí trung tâm của thế giới, thiết lập lại trật tự thế giới, nắm giữ vai trò dẫn dắt và chi phối trong trật tự đó; thực hiện các ý đồ về lãnh thổ. Khu vực xung quanh là nơi Trung Quốc triển khai và kiểm nghiệm hiệu quả, tác dụng của các chính sách, chiến lược, sáng kiến và vai trò dẫn dắt thế giới của Trung Quốc cũng được thể hiện trước hết ở trong khu vực. Sự thay đổi mang tính quyết định trong sức mạnh tổng hợp quốc gia, đòi hỏi cao hơn trong mục tiêu chiến lược, cùng với vai trò cá nhân của ông Tập Cận Bình đã khiến cho Trung Quốc mặc dù khẳng định chính sách ngoại giao láng giềng không thay đổi nhưng sự thực hành trên thực tế lại có nhiều thay đổi.

Điểm cần chỉ ra nữa là, mục tiêu tạo môi trường xung quanh ổn định, xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị được Trung Quốc nhấn mạnh song song với “bảo vệ chủ quyền, an ninh và lợi ích phát triển quốc gia”. Báo cáo Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định: “Chúng ta kiên quyết bảo vệ chủ quyền, an ninh và lợi ích phát triển của quốc gia và không bao giờ khuất phục trước mọi áp lực từ bên ngoài”; “kiên quyết bảo vệ quyền và lợi ích biển, xây dựng cường quốc biển” (Mạng Nhân dân, 2012). Đại hội XIX tiếp tục nêu: “Quyết không từ bỏ quyền lợi chính đáng của mình, bất cứ ai cũng không nên ảo tưởng Trung Quốc sẽ nuột trái đắng để lợi ích của mình bị tổn hại”, khẳng định việc xây dựng các đảo, đá ở biển Đông được “tích cực thúc đẩy” và coi đó là một “thành tích” của nhiệm kỳ Đại hội XVIII (Mạng Chính phủ Trung Quốc, 2017). Đáng nói là, việc yêu cầu thực hiện song song hai mục tiêu này được đưa ra trong bối cảnh Trung Quốc còn có tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ (cả trên đất liền và trên biển) với nhiều nước láng giềng, nên hành động họ gọi là “bảo vệ chủ quyền”, “không nhân nhượng” trong nhiều trường hợp lại chính là xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, đe dọa, uy hiếp an ninh đối với quốc gia khác. Ví dụ: Trung Quốc đưa ra yêu sách chủ quyền phi lý thông qua đường 9 đoạn chiếm đến 80% diện tích biển Đông, ăn sâu vào thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của nhiều nước, thì việc họ coi là “bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích biển” theo yêu sách này chính là xâm phạm chủ quyền của Việt Nam và các nước khác. Mục tiêu thực hiện giấc mơ Trung Quốc, thực hiện cái gọi là “bảo vệ các lợi ích cốt lõi” này đã ảnh hưởng đến cách thức triển khai chính sách đối ngoại với các nước láng giềng như: chia rẽ, phân hóa các nước, ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ của Trung Quốc với mỗi nước. Vì vậy, cho dù chính sách ngoại giao có thể hiện bằng nhiều ngôn từ hữu nghị, nhưng ý đồ về lãnh thổ, thống trị về ảnh hưởng ở xung quanh của Trung Quốc vẫn xuyên suốt, thậm chí được đẩy lên cao hơn trong 10 năm qua.

Mục tiêu của ngoại giao láng giềng đã được nâng cấp, từ “láng giềng hòa mục, yên ổn, giàu có”, đến “xây dựng cộng đồng chung vận mệnh”. Cộng đồng chung vận mệnh theo cách lý giải của Trung Quốc là không chỉ hướng đến gắn kết về kinh tế, mà còn phát huy điểm chung, điểm tương đồng, sự chia sẻ mà Trung Quốc thường tuyên truyền là có họa cùng chịu, có phúc cùng hưởng, tức là cùng nhau chia sẻ cả lợi ích và rủi ro, cả cơ hội và thách thức. Chữ “chung vận mệnh” ở đây mang hàm ý không chỉ gắn kết về lợi ích mà còn gắn kết

về sinh tồn và phát triển, không chỉ hiện tại mà còn cả trong tương lai. Về bản chất, xây dựng cộng đồng chung vận mệnh là việc Trung Quốc tiếp tục trả lời cho câu hỏi xây dựng thế giới trong tương lai như thế nào mang dấu ấn Tập Cận Bình (thay cho thế giới hài hòa được thế hệ lãnh đạo trước đưa ra), nhưng điểm mấu chốt hơn là giải quyết “điểm kẹt” mà họ nhận thấy trong quan hệ với các nước láng giềng, đó là kinh tế thì gắn kết phụ thuộc nhưng lại thiếu tin tưởng, bất an, lo lắng về chính trị và an ninh. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, giấc mơ cường quốc thế giới và lãnh đạo thế giới của Trung Quốc khó có thể thành hiện thực và Trung Quốc có thể là một “cường quốc cô độc”. Vì vậy, xây dựng cộng đồng chung vận mệnh cũng chính là để phục vụ cho thực hiện “giấc mơ Trung Quốc”, là thể hiện của dấu ấn cá nhân, của tư tưởng Tập Cận Bình trong quan hệ đối ngoại. Xây dựng cộng đồng chung vận mệnh đã trở thành một trong hai nội dung quan trọng, bên cạnh sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI) được phía Trung Quốc, đặc biệt là cá nhân ông Tập Cận Bình đích thân nêu lên và mong muốn triển khai trong các chuyến thăm chính thức đến các nước láng giềng. Ngược lại, việc các nước láng giềng chấp nhận, tán thành ý tưởng này được Trung Quốc coi là thành công quan trọng trong triển khai chính sách ngoại giao láng giềng. Trên thực tế, nó cũng là một chỉ dấu để đánh giá về mức độ quan hệ, mức độ tin tưởng giữa các nước với Trung Quốc như chúng tôi đã phân tích ở trên.

Trung Quốc thực hiện chính sách ngoại giao láng giềng, thực hiện các mục tiêu chiến lược của họ trong bối cảnh quốc tế và trong nước có sự thay đổi nhanh chóng, trong đó có biến động ngoài dự liệu, khác với thời điểm ông Tập Cận Bình mới nắm quyền. Trong Hội nghị Công tác đối ngoại năm 2014, ông Tập Cận Bình nhận định tương đối lạc quan, mặc dù vẫn nhấn mạnh cơ hội và thách thức song song và kết luận: “Phán đoán một cách tổng hợp, phát triển của Trung Quốc vẫn ở thời kỳ cơ hội chiến lược quan trọng có thể mặc sức vùng vẫy” (Mạng Tân Hoa, 2014). Đại hội XIX của ĐCS Trung Quốc đã đánh giá rất cao với tinh thần lạc quan chưa từng có về tình hình trong nước của Trung Quốc, thể hiện sự tự tin của Trung Quốc sau một nhiệm kỳ nắm quyền của ông Tập Cận Bình: “Đưa thực lực về kinh tế, khoa học công nghệ, quốc phòng và sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc vươn lên tốp đầu thế giới, vị thế quốc tế của Trung Quốc được *nâng lên tầm cao chưa từng có*; diện mạo của Đảng, đất nước, nhân dân, quân đội và dân tộc Trung Hoa có những *thay đổi chưa từng có*; dân tộc Trung Hoa đang đứng hiên ngang ở phía Đông của thế giới với tầm vóc hoàn toàn mới” và “hôm nay, hơn lúc nào hết chúng ta đã đến gần hơn, có niềm tin hơn, có năng lực hơn để thực hiện mục tiêu phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” (Mạng Chính phủ Trung Quốc, 2017). Sau Đại hội XIX không lâu, ngày 28/12/2017, tại Hội nghị Công tác các nhà ngoại giao Trung Quốc làm việc ở nước ngoài, ông Tập Cận Bình đã đưa ra nhận định được coi là “luận đoán khoa học” gắn với tên tuổi của ông, sau đó được tất cả các tạp chí, báo chí, mạng và các phương tiện truyền thông tổ chức thảo luận sôi nổi và đăng tải các nghiên cứu chuyên sâu, được Trung Quốc dùng thống nhất từ đó đến nay đó là: “Nhìn ra thế giới, chúng ta đang đứng trước một sự thay đổi lớn chưa từng có trong 100 năm” (Mạng Tân Hoa, 2017). Cục diện thay đổi lớn chưa từng có trong hàng trăm năm này gắn liền với cục diện trong nước phát triển tốt nhất từ cận đại đến nay của Trung Quốc. Cho nên, chúng tôi cho rằng, luận đoán này xuất phát từ sự tự tin của Trung Quốc, ở thời điểm này, nó nghiêng về cơ hội

cho Trung Quốc nhiều hơn, mà ở đó, Trung Quốc có thể tranh thủ sự thay đổi này để vươn lên nhanh hơn. “Việc từng bước thực hiện phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa vừa là một nguyên nhân quan trọng để sinh ra “cực diện biến đổi lớn chưa từng có trong hàng trăm năm”, vừa là một trong những nội dung chủ yếu và cốt lõi trong tư tưởng của ông. Bởi vì, thực hiện phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa là tiêu chuẩn phán đoán trực tiếp nhất, quan trọng nhất để phân định một cách khoa học và nắm bắt một cách chuẩn xác lúc bắt đầu và kết thúc về thời gian “cực diện biến đổi lớn chưa từng có trong hàng trăm năm” (Mạng Lịch sử đảng của Thanh Đảo, 2020). Chính sự tự tin này khiến Trung Quốc một mặt tích cực, chủ động trong thúc đẩy quan hệ với các nước; mặt khác cũng thể hiện thái độ cứng rắn, hung hăng trong phát ngôn và hành động trong các vấn đề liên quan đến tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với các nước láng giềng.

Sau khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bùng nổ, dịch bệnh bùng phát trước hết ở Trung Quốc, sau đó lan rộng ra toàn thế giới và đến nay thế giới vẫn chìm trong dịch bệnh, phán đoán “cực diện thay đổi lớn chưa từng có trong hàng trăm năm” vẫn tiếp tục được Trung Quốc nhấn mạnh, nhưng chúng tôi cho rằng nó đã nghiêng về thách thức, khó khăn nhiều hơn. Tại Hội nghị ĐCS Trung Quốc và lãnh đạo các chính đảng trên thế giới do Trung Quốc tổ chức mới đây, ông Tập Cận Bình tiếp tục nêu nhận định này (Mạng Tân Hoa, 2021) nhưng những nhận định lạc quan về xu thế của thế giới như toàn cầu hóa trước đây đã không còn. Những nhân tố bất định, bất ngờ xuất hiện, cùng với những khó khăn vốn có khiến việc thực hiện các mục tiêu chiến lược cũng như triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc cũng gặp khó khăn. Tuy nhiên, Trung Quốc luôn thể hiện sự kiên định những mục tiêu đã đề ra, những ý tưởng mới mang dấu ấn của ông Tập Cận Bình như sáng kiến BRI. Thậm chí, Trung Quốc còn lợi dụng sự khó khăn của thế giới trong dịch bệnh để mở rộng các hoạt động gây căng thẳng ở biển Đông như từ tháng 3/2021 đến nay, Trung Quốc đã nhiều lần đưa hàng trăm tàu đến neo đậu ở Đá Ba Đầu, hành động chưa từng có tiền lệ này được cho là nhằm thực hiện ý đồ tiến tới chiếm giữ, kiểm soát trái phép thêm thực thể trên biển Đông hoặc như tàu hải cảnh của Trung Quốc nhiều lần xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của các nước Việt Nam, Indonesia và Malaysia...

3. Về công cụ sử dụng

Ông Tập Cận Bình đưa ra ý niệm mới cho ngoại giao láng giềng, đó là “thân, thành, huệ, dung”, tương ứng với 4 lĩnh vực chủ yếu, bao gồm: chính trị, kinh tế, an ninh và nhân văn.

Để thực hiện ý niệm mới này, ngoại giao là công cụ quan trọng hàng đầu mà Trung Quốc và các nước đều tận dụng để thúc đẩy phát triển quan hệ. Để thực hiện các mục tiêu, Trung Quốc thể hiện sự chủ động, tích cực ở tất cả các cấp độ, trong quan hệ song phương, trong diễn đàn đa phương, hợp tác tiểu vùng. Với tất cả các nước, Trung Quốc nêu lên những điểm chung, đều nhấn mạnh tầm quan trọng riêng của mỗi nước, coi đó là cơ sở để thúc đẩy quan hệ hai nước. Với Việt Nam, Trung Quốc nêu lên 4 điểm tương đồng (năm 2014 nêu: chế độ chính trị tương đồng, niềm tin lý tưởng tương thông, con đường phát triển tương cận;

năm 2017 nêu: chế độ chính trị tương thông, con đường phát triển tương tự, tiền đồ tương quan, vận mệnh cùng chia sẻ và 4 tốt (láng giềng tốt, bạn bè tốt, đối tác tốt, đồng chí tốt). Với Myanmar nêu lên 5 điểm tương đồng: sơn thủy *tương liên* (núi sông nối liền), rừng môi *tương y* (gắn bó như rừng với môi), dân tâm *tương thông* (lòng dân thông hiểu lẫn nhau), trao đổi mật thiết, cảnh ngộ *tương tự*, nhiệm vụ *tương cận* (gần giống nhau) và nâng từ 3 tốt dưới thời Hồ Cẩm Đào lên thành 4 tốt: láng giềng tốt, bạn bè tốt, anh em tốt, đối tác tốt. Với Campuchia là 4 tốt: láng giềng tốt, bạn bè tốt, đối tác tốt, anh em tốt. Nhưng thực tế, các điểm chung đó, kể cả là đều do ĐCS lãnh đạo, tương đồng về chế độ xã hội như Việt Nam, cũng không phải là yếu tố thực sự ảnh hưởng đến sự phát triển của quan hệ song phương với Trung Quốc, mà yếu tố quan trọng nhất vẫn là lợi ích quốc gia. Việc đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, lợi ích quốc gia là chuẩn mực cao nhất trong xử lý quan hệ quốc tế của Trung Quốc đã được thể hiện qua sự điều chỉnh chính sách đối ngoại từ “nhất biên đảo” nghiêng về Liên Xô, chống Mỹ cho đến bắt tay hòa hoãn với Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ để hạn chế sự uy hiếp từ Liên Xô từ thập kỷ 1950-1970. Vì vậy, việc tận dụng và phát huy các điểm chung, tương đồng, cũng chỉ là để phục vụ cho đạt được lợi ích quốc gia của Trung Quốc tốt hơn mà thôi. So sánh quan hệ giữa Trung Quốc với Campuchia và với Việt Nam có thể thấy rõ hơn điều này.

Trung Quốc luôn có “dự trữ/ dự phòng” trong quan hệ với mỗi nước để luôn đảm bảo vị thế quan trọng cũng như ảnh hưởng của Trung Quốc đối với nước đó. Ví dụ: với Myanmar, Trung Quốc chủ động thiết lập quan hệ với các đảng phái ở Myanmar cho dù giữa các đảng này mâu thuẫn, đối lập. Trong nhiệm kỳ cầm quyền của Đảng Liên minh Đoàn kết và phát triển (USDP) và Tổng thống Thein Sein (2011-2015), Trung Quốc vẫn hết sức coi trọng vai trò của bà Aung San Suu Kyi, đối thủ chính trị của đảng cầm quyền USDP, mời bà Aung San Suu Kyi thăm chính thức hoặc dự sự kiện ở Trung Quốc nhiều lần. Ở Campuchia, ngoài quan hệ với đảng Nhân dân Campuchia, Trung Quốc cũng duy trì mối quan hệ tốt với các đảng đối lập.

Trong triển khai chính sách ngoại giao láng giềng dưới thời Tập Cận Bình, Trung Quốc tiếp tục sử dụng công cụ kinh tế, một thế mạnh vốn có, nhưng cách thức và tuyên truyền đã có sự điều chỉnh. Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII đã không nêu lên mục tiêu hợp tác cùng thắng giữa Trung Quốc với các nước xung quanh mà thay vào đó là nhấn mạnh đến tác động tích cực, lợi ích từ sự phát triển của Trung Quốc đối với các nước xung quanh, “cố gắng làm cho sự phát triển của bản thân ban đến các nước xung quanh tốt hơn”. Nội hàm của “huệ” cũng nhấn mạnh “để các nước xung quanh được lợi từ sự phát triển của Trung Quốc”, đã làm mới khái niệm xử lý quan hệ kinh tế với láng giềng, từ “cùng có lợi cùng thắng” sang nhấn mạnh hơn đến “mang lợi ích đến cho”, thể hiện sự tự tin của Trung Quốc. Điều này thể hiện sự thay đổi trong cách tiếp cận của Trung Quốc, sự khôn khéo trong tuyên truyền để “tấn công quyền rũ” đối với các nước xung quanh nhằm xóa bỏ đánh giá không tích cực hiện có về hiệu quả, lợi ích trong hợp tác giữa Trung Quốc với các nước; trấn an các nước, đặc biệt là các nước láng giềng nhỏ trong quan hệ với một nước lớn như Trung Quốc khi mà quá trình hợp tác trước đó đã dẫn đến sự phụ thuộc ngày càng tăng cùng với nhiều vấn đề tồn tại nghiêng về hướng không có lợi cho các nước nhỏ. Mục tiêu cuối cùng vẫn

là hướng đến chủ động điều tiết, duy trì ảnh hưởng về mọi mặt, về chiến lược đối với các nước xung quanh.

Hợp tác kinh tế chủ yếu thông qua thương mại, đầu tư, thầu khoán công trình vẫn được coi là hướng đi tiên phong trong quá trình tiếp cận với các nước láng giềng của Trung Quốc. Tuy nhiên, dưới thời Tập Cận Bình, việc sử dụng công cụ kinh tế đã được vận dụng và tuyên truyền một cách hấp dẫn, khéo léo hơn thông qua sáng kiến BRI mang tính tổng hợp, phạm vi bao trùm rộng lớn. Ông Tập Cận Bình coi “đây là sáng kiến phát triển, sáng kiến hợp tác, sáng kiến mở cửa, nó nhấn mạnh phương thức bình đẳng cùng có lợi, cùng thương lượng, cùng xây dựng, cùng hưởng. Đối tác hợp tác đầu tiên của sáng kiến này là các nước xung quanh, đối tượng được hưởng lợi đầu tiên cũng là các nước xung quanh” (Mạng Tân Hoa, 2015) và “phía Trung Quốc đưa ra sáng kiến BRI và Ngân hàng cơ sở hạ tầng châu Á chính là đi theo ý niệm ngoại giao láng giềng: thân, thành, huệ, dung, tập trung cùng với các nước châu Á giải quyết vấn đề hiện thực mà khu vực này đang đối mặt, cùng nhau phát triển” (Mạng Bộ Ngoại giao Trung Quốc, 2015).

Thông qua việc thực hiện sáng kiến này, Trung Quốc không chỉ tiếp tục thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác mà họ đang có lợi thế như thương mại, đầu tư, mà còn tiến đến một tầng nấc cao hơn, đó là liên thông kết nối về cơ sở hạ tầng, kết nối về năng lực sản xuất, tăng sự gắn kết/phụ thuộc của các nước, làm nổi bật vai trò dẫn dắt của Trung Quốc. Kết nối về cơ sở hạ tầng có thể khiến các nước sử dụng vốn, công nghệ và doanh nghiệp Trung Quốc nhận thầu, giúp thúc đẩy hợp tác thương mại giữa Trung Quốc và các nước. Với những kết nối mới được hình thành, Trung Quốc có thể sẽ trở thành cường quốc có ảnh hưởng lớn nhất tại Đông Nam Á. Để tăng tính hấp dẫn và thuyết phục, Trung Quốc luôn nhấn mạnh đến 3 nguyên tắc của BRI là: cùng thương lượng, cùng xây dựng và cùng hưởng.

Đặc biệt, nước này tận dụng quan hệ kinh tế, đầu tư, thông qua kinh tế, đầu tư để hiện diện ở những khu vực có vị trí quan trọng về chiến lược. Tại Campuchia, Trung Quốc tập trung đầu tư ở khu vực có cảng nước sâu Sihanoukville và quân cảng Ream (thuộc tỉnh Preah Sihanouk). Tại Myanmar, việc triển khai dự án cảng nước sâu Kyaukphyu không chỉ giúp rút ngắn đáng kể tuyến đường vận chuyển hàng hóa ra vào tỉnh Vân Nam, mà có thể chúng sẽ đóng vai trò trung tâm tiếp tế và cung cấp cho các khí tài của hải quân Trung Quốc hoạt động tại Ấn Độ Dương...

Kinh tế được Trung Quốc sử dụng như một công cụ hữu hiệu để chi phối, gây ảnh hưởng đến mối quan hệ. Nếu mối quan hệ đó Trung Quốc cho là phù hợp với lợi ích của họ, đi theo ý đồ của họ thì Trung Quốc sẽ có động thái tích cực trong quan hệ kinh tế, người ta thường gọi đó là chính sách ngoại giao kinh tế “cà rốt và cây gậy”. “Trung Quốc vũ khí hóa thương mại và các công cụ thương mại khác để đạt được các mục tiêu địa chính trị của mình” (Rachel Cheung, 2021). Chẳng hạn, khi Litva đồng ý cho Đài Loan mở văn phòng đại diện, Trung Quốc lập tức có các biện pháp trừng phạt, gồm: chặn xuất khẩu và xóa nước này khỏi cơ sở dữ liệu hải quan, gây áp lực buộc các công ty quốc tế cắt quan hệ thương mại với Litva hoặc có nguy cơ mất quyền tiếp cận thị trường Trung Quốc... Còn khi Nicaragua cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan, Trung Quốc đã mở rộng các cơ hội thương mại và tăng cường đầu tư trực tiếp để thúc đẩy nền kinh tế Nicaragua. Khi Campuchia thể hiện đứng về phía

Trung Quốc trong nhiều vấn đề, nghiêng về Trung Quốc rõ ràng, Trung Quốc đã đáp ứng nhu cầu tăng cường xuất khẩu nông sản của Campuchia sang nước này, các thủ tục đàm phán xuất khẩu chính ngạch được tiến hành nhanh chóng. Ngược lại, với Việt Nam khi xảy ra căng thẳng ở biển Đông, Trung Quốc sẵn sàng dùng công cụ kinh tế để gây sức ép, như hạn chế nhập khẩu từ Việt Nam vào tháng 5, 6 năm 2014 khi xảy ra sự kiện giàn khoan Hải Dương 981.

Bên cạnh công cụ kinh tế, ông Tập Cận Bình còn kêu gọi chú trọng đến lĩnh vực nhân văn, sử dụng viện trợ, văn hóa để hướng đến mối quan hệ gần gũi thân thiết và hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Trung Quốc và các nước láng giềng, nhằm để lại ấn tượng và hình ảnh tốt về Trung Quốc ở các nước láng giềng. Trên thực tế, Trung Quốc đã tích cực đầu tư cho lĩnh vực này thông qua viện trợ cho các công trình cải thiện dân sinh, giáo dục, học tiếng Trung, cấp học bổng, nhưng mức độ tiếp nhận của các nước phụ thuộc vào mức độ tin tưởng giữa Trung Quốc và mỗi nước. Những nỗ lực của Trung Quốc trong lĩnh vực nhân văn chưa đủ sức cải thiện đáng kể thiện cảm của người dân bản địa dành cho Trung Quốc. “Trong khi các nước Đông Nam Á tìm cách thu lợi về kinh tế từ sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự trỗi dậy của Trung Quốc chuyển thành quyền lực cứng đối với giới tinh hoa lãnh đạo của Đông Nam Á, thì Trung Quốc vẫn dễ bị tổn thương khi xét ở cấp độ quan điểm của người dân. Trên thực tế, Trung Quốc phải đối mặt với lỗ hổng giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm trong khu vực. Lỗ hổng quyền lực của Trung Quốc khiến nước này dễ bị tổn thương về dài hạn trong nền chính trị dân túy ở Đông Nam Á” (Quinton Temby, 2021).

Công cụ sử dụng giống nhau nhưng hiệu quả với từng nước lại khác nhau. Ví dụ, các nước không có tranh chấp chủ quyền, việc thúc đẩy các hợp tác đều thuận lợi hơn, từ kinh tế đến văn hóa, nhưng ở Việt Nam mọi thứ đều khó khăn hơn. Mặc dù Trung Quốc tích cực thúc đẩy các hợp tác về văn hóa, dân sinh, nhưng sự đón nhận và triển khai ở Việt Nam còn hạn chế. Ví dụ: với ngoại giao vắc-xin, có học giả đã nhận xét: “Trong các nước Đông Nam Á, Campuchia và Lào tỏ ra hoan nghênh nhất với chính sách ngoại giao y tế công cộng của Trung Quốc, bao gồm ngoại giao vắc-xin, trong khi Thái Lan và Myanmar cũng chào đón sự hỗ trợ của Trung Quốc. Việt Nam tỏ ra miễn cưỡng xác nhận sự hỗ trợ Covid-19 của Trung Quốc, bao gồm cả vắc-xin của Trung Quốc” (Chheang Vannarith, 2021). Điểm mấu chốt để các công cụ này được triển khai như mong muốn của Trung Quốc chính là sự tin cậy. Chính sự tin cậy khiến sức mạnh mềm của Trung Quốc khó lan tỏa như một số cường quốc khác như Mỹ, Nhật Bản.

Sử dụng công cụ ngoại giao, kinh tế, văn hóa để tăng thêm sức ảnh hưởng, cải thiện các vấn đề tồn tại trong quan hệ với các nước, làm cho sức mạnh mềm của Trung Quốc bám rễ và lan tỏa ở các nước xung quanh, nhưng đồng thời nước này cũng sử dụng sức mạnh quân sự để uy hiếp, răn đe, gây căng thẳng với các nước có tranh chấp. Mục tiêu, nội hàm của chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình được thể hiện bằng ngôn từ hết sức mềm mại, giàu sức hấp dẫn, nhưng sự thực hành trong quan hệ với các nước lại có nhiều tình huống, trường hợp thể hiện sự cứng rắn, gây căng thẳng với các nước. Chủ trương và cách giải quyết của Trung Quốc trong tranh chấp biển Đông dưới thời Tập Cận Bình là một ví dụ rõ ràng về việc đi ngược lại những ý niệm mới mà chính ông đã đề ra.

“Thân”, “thành” nhấn mạnh hướng đến xây dựng mối quan hệ láng giềng hữu nghị, nhưng Trung Quốc lại thường xuyên gây ra các sự việc căng thẳng ở biển Đông, dẫn đến căng thẳng về ngoại giao, ảnh hưởng đến thái độ, tình cảm của người dân đối với nước đối phương. “Huệ” nhấn mạnh đến “để các nước xung quanh được lợi từ sự phát triển của Trung Quốc”, nhưng Trung Quốc đã tận dụng ưu thế và sức mạnh của mình để bồi đắp các đảo, quân sự hóa các đảo, uy hiếp, thậm chí xâm phạm chủ quyền của Việt Nam; cản trở việc khai thác tài nguyên hợp pháp của Việt Nam. “Dung” nhấn mạnh “thúc đẩy hợp tác khu vực với tâm lòng rộng mở hơn và thái độ tích cực hơn” và hướng đến xây dựng cộng đồng chung vận mệnh với các nước Đông Nam Á, chung vận mệnh, chung lợi ích, nhưng Trung Quốc đang phân hóa các nước ASEAN trong vấn đề biển Đông, phản đối coi biển Đông là vấn đề của khu vực, không đưa ra và bàn tại các diễn đàn đa phương của khu vực... Chính sách ngoại giao láng giềng nhấn mạnh coi trọng hữu nghị, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, nhưng Trung Quốc lên án và từ chối tham gia biện pháp hòa bình trong vấn đề biển Đông (vụ kiện Philippines). Những gì Trung Quốc thể hiện trong vấn đề biển Đông khác với những tuyên bố, tuyên truyền về chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc. Vì vậy, sự tin tưởng của các nước đối với “một cường quốc có trách nhiệm” như Trung Quốc tuyên truyền vẫn không được cải thiện.

4. Về cách thức triển khai

Trong quá trình triển khai chính sách ngoại giao láng giềng ở khu vực, Trung Quốc thường là bên chủ động đề xuất, thúc đẩy những sáng kiến, dự án hợp tác mà họ đề ra. Cách thức mà Trung Quốc thúc đẩy hợp tác với các nước thường đi theo lộ trình từ thỏa thuận cấp cao đến xây dựng cơ chế và thúc đẩy triển khai. Trong đó, thỏa thuận cấp cao có vai trò mở đường dẫn dắt. Bước đầu tiên là thúc đẩy đạt được nhận thức chung rồi đi đến thỏa thuận cấp cao, đưa vào tuyên bố chung, thông cáo chung. Bước thứ hai là thúc đẩy hình thành cơ chế chỉ đạo, điều phối, ký kết văn kiện hợp tác giữa các bộ ngành trực tiếp quản lý và triển khai; đồng thời lãnh đạo cấp cao nhất trí về những dự án trọng điểm, đưa vào tuyên bố chung, thông cáo chung. Hai bước đầu này thường tiến triển nhanh, nhưng việc thực hiện các thỏa thuận cấp cao, hiệu quả của các cơ chế là một vấn đề còn cần phải xem xét.

Ví dụ với BRI, với Việt Nam, ông Tập Cận Bình chính thức đề cập với Việt Nam lần đầu tiên vào tháng 4/2015, và từ sau năm 2015, sáng kiến này liên tục được đưa vào các Tuyên bố chung, Thông cáo chung giữa hai nước, đến tháng 11/2017, hai bên ký kết bản ghi nhớ về hợp tác trong khuôn khổ BRI. Với Myanmar, tiếp Tổng thống Myanmar Thein Sein ngày 27/6/2014, ông Tập Cận Bình nêu: phía Trung Quốc hoan nghênh phía Myanmar tham gia xây dựng Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI, đến cuối năm 2014, sáng kiến này được đưa vào Tuyên bố chung. Năm 2017, hai nước đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác về hợp tác trong khuôn khổ BRI. Năm 2018, Chính phủ Myanmar đã thành lập Ủy ban chỉ đạo thực thi “Một vành đai, một con đường” do bà Aung San Suu Kyi làm chủ tịch, nhằm thực thi tốt hơn các công việc liên quan cùng xây dựng CMEC trong khuôn khổ của sáng kiến này.

Với Campuchia, ngày 18/5/2014, trong buổi hội kiến với Thủ tướng Hun Sen tại Thượng Hải, Chủ tịch Tập Cận Bình lần đầu tiên nêu sáng kiến này với phía Campuchia, sau đó được đưa vào Tuyên bố chung năm 2016. Năm 2016, hai bên đã ký Bản ghi nhớ về cương yếu kế hoạch hợp tác thúc đẩy xây dựng chung xây dựng “Một vành đai, Một con đường”. Đến năm 2019, hai nước đã nhất trí tăng cường hợp tác thiết thực trong khuôn khổ BRI trong giai đoạn tiếp theo, tập trung vào 5 lĩnh vực là giao thông vận tải, năng lực sản xuất, năng lượng, thương mại và dân sinh.

Bước thứ ba là triển khai hợp tác trên cơ sở các thỏa thuận đã ký kết, các dự án trọng điểm đã đưa ra. Tuy nhiên, khi triển khai trên thực tế lại có nhiều khó khăn, hạn chế, hoặc hiệu quả không được như mong muốn. Trong những năm gần đây, việc triển khai các dự án hợp tác với Trung Quốc bị chậm lại, thậm chí bị dứt khoát từ chối bất chấp nỗ lực của Trung Quốc như với một số dự án ở Myanmar. Ví dụ: với BRI, ở Việt Nam, mặc dù Chính phủ hai nước đã ký Bản ghi nhớ về thúc đẩy kết nối giữa khuôn khổ “Hai hành lang, một vành đai” với sáng kiến “Vành đai và Con đường” tháng 11/2017, nhưng cho đến nay chưa có dự án lớn nào được Việt Nam chính thức coi là dự án trong khuôn khổ BRI; ngược lại, phía Trung Quốc coi tất cả các dự án, kể cả dự án trước đó như dự án đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông (được bắt đầu thúc đẩy từ năm 2008) là nằm trong khuôn khổ BRI.

Trong quá trình triển khai chính sách ngoại giao láng giềng, do thực hiện mục tiêu “kiên quyết bảo vệ chủ quyền, an ninh và lợi ích phát triển”, mà thực chất là thực hiện các ý đồ/mưu đồ về lãnh thổ trong các tranh chấp chủ quyền, nên Trung Quốc đã phân hóa và phân biệt đối xử với các nước rất rõ ràng, trong đó thúc đẩy quan hệ nhằm lôi kéo các nước không có tranh chấp để tranh thủ, ngược lại gây sức ép, xâm phạm đối với các nước có tranh chấp. Trung Quốc sử dụng ảnh hưởng của mình để lôi kéo những nước này ủng hộ trong diễn đàn/tổ chức đa phương, như: không đưa ra bàn thảo hoặc không đạt được đồng thuận trong vấn đề biển Đông. Đồng lại, Trung Quốc dành cho các nước này sự ưu đãi, viện trợ và lên tiếng bảo vệ khi cần thiết. Diễn hình chính là mối quan hệ với Campuchia. Ngược lại, đối với Việt Nam, bên cạnh việc nhấn mạnh điểm tương đồng, thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực, Trung Quốc thường xuyên gây sức ép, có nhiều hành động uy hiếp.

5. Kết luận

Qua 10 năm triển khai, chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc đã đạt được những thành công nhất định, thể hiện qua việc quan hệ với các nước láng giềng tiếp tục được củng cố, mức độ ảnh hưởng của Trung Quốc được duy trì hoặc tăng lên; nhận được sự ủng hộ của các nước đối với các vấn đề liên quan đến lợi ích, đối với các chủ trương sáng kiến. Điều này hết sức có ý nghĩa với Trung Quốc trong bối cảnh Mỹ tăng cường gây sức ép với Trung Quốc trong các vấn đề trong nước cũng như môi trường xung quanh. Về kinh tế, Trung Quốc tiếp tục giữ vững vị trí là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của các nước và sự phụ thuộc về kinh tế của các nước với Trung Quốc đều rất lớn, có xu thế ngày càng tăng, đồng thời họ không chỉ duy trì môi trường xung quanh ổn định mà ở mức độ nào đó đã thực hiện được

ý đồ chia rẽ các nước trong vấn đề biển Đông. Trung Quốc thực hiện được phần nào chiến lược khu vực, chiến lược toàn cầu của họ khi từng bước kết nối cơ sở hạ tầng, hiện diện ở những vị trí có ý nghĩa chiến lược trong khu vực. Thêm nữa, chính sách đối ngoại không chỉ là sự nối dài của chính sách đối nội mà những hành xử trong đối ngoại có thể ngược trở lại hỗ trợ cho nước này khơi dậy tinh thần dân tộc, hoặc gây sự chú ý để giải tỏa tạm thời những vấn đề, khó khăn bên trong, ít nhất là về mặt dư luận.

Các công cụ đã được làm mới bằng ý niệm mới: “thân, thành, huệ, dung”, nhưng chưa thể hiện tác dụng lớn trong việc giải quyết những vấn đề vốn tồn tại trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng, đó là sự tin cậy chính trị giữa Trung Quốc với các nước nhỏ, còn yếu, các nước có thái độ thận trọng hơn trong hợp tác với Trung Quốc, hợp tác kinh tế chưa thực sự đạt được “cùng thắng”, từ đó khiến các nước có thái độ thận trọng, hình ảnh quốc gia của Trung Quốc và thiện cảm của người dân các nước dành cho Trung Quốc chưa được cải thiện, thậm chí có chiều hướng đi xuống. Những vấn đề trong quan hệ giữa Trung Quốc với ba nước cũng phản ánh thực trạng chung trong quan hệ giữa Trung Quốc với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Một cuộc khảo sát với các chuyên gia và doanh nhân Đông Nam Á cho thấy, chưa đến 2% tin rằng Trung Quốc là một cường quốc nhân từ và dưới 20% tự tin hoặc rất tự tin rằng Trung Quốc sẽ “làm điều đúng đắn”. Gần một nửa số người được hỏi tin rằng Trung Quốc là một “cường quốc theo chủ nghĩa xét lại” có ý định biến khu vực thành phạm vi ảnh hưởng của mình (Elizabeth Economy, 2021). Cho dù đưa thêm ý niệm mới “thân, thành, huệ, dung”, nhưng quan hệ giữa Trung Quốc về bản chất vẫn là mối quan hệ bất cân xứng, là quan hệ giữa nước lớn với nước nhỏ, trong đó khi thực lực, sức ảnh hưởng của nước lớn ngày càng tăng lên thì sức ép với các nước nhỏ ngày càng lớn, thách thức đôi khi lớn hơn cơ hội. Đúng như lý thuyết quan hệ bất cân xứng đã chỉ ra, các nước láng giềng nhỏ đều thông qua các nghi thức ngoại giao, qua thăm viếng cấp cao để trấn an lẫn nhau và giải tỏa lo lắng, cố gắng tăng cường tin cậy. Sự tin cậy càng thấp thì sự thận trọng trong hợp tác càng lớn.

Tài liệu tham khảo

1. Axel Berkofsky (2016), “The Chinese Dream and Chinese Foreign and Security Policies-Rosy Rhetoric versus Harsh Realities”, *Asia-Pacific Review*, Vol. 23, No.2, pp.109-128.
2. Thayer, Carlyle (2011), “The Tyranny of Geography: Vietnamese Strategies to Constrain China in the South China Sea”, *Contemporary Southeast Asia: A Journal of International and Strategic Affairs*. 33.
3. Chheang Vannarith (2021), “Fighting COVID-19: China’s Soft Power Opportunities in Mainland Southeast Asia”, *ISEAS Perspective* 2021/66, 10 May 2021, [https://www.iseas.edu.sg/posts/2021-66-fighting-covid-19-chinas-soft-power-opportunities-in-mainland-southeast-asia-by-chheang-vannarith/July/August 2021](https://www.iseas.edu.sg/posts/2021-66-fighting-covid-19-chinas-soft-power-opportunities-in-mainland-southeast-asia-by-chheang-vannarith/July/August%2021), truy cập ngày 10/5/2021.
4. Elizabeth Economy (2021), “Xi Jinping’s New World Order - Can China Remake the International System?” January/February 2022, https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2021-12-09/xi-jinpings-new-world-order?fbclid=IwAR0mt7E5c1-3P1EOYVEnGlZU-tT8dHHwYCY8dZZIGuNc_YIuTTlu46gxPE, truy cập ngày 25/12/2021.

5. Jude Blanchette (2021), “The Race to Consolidate Power and Stave Off Disaster”, July/August 2021, <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2021-06-22/xis-gamble>, truy cập ngày 15/11/2021.
6. Quinton Temby (2021), “The Milk Tea Alliance and China’s Power Gap in Southeast Asia”, <https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2021-42-the-milk-tea-alliance-and-chinas-power-gap-in-southeast-asia-by-quinton-temby/>, truy cập ngày 14/12/2021.
7. Rachel Cheung (2021), “China Doubles Down on Its ‘Carrot and Stick’ Economic Diplomacy”, Dec. 15, 2021, https://www.worldpoliticsreview.com/trend-lines/30190/xi-china-double-down-on-carrot-and-stick-economic-diplomacy?fbclid=IwAR2Bj7BvyxEpQSEJmo0ZSXzlDkN8ht_xyqxzknXoaGteizrUqwphME5Aq-E, truy cập ngày 15/12/2021.
8. Trần Kỳ, Quản Truyền Thanh (2014), “Điều chỉnh chính sách và quan niệm mới của ngoại giao láng giềng Trung Quốc”, Á - Thái đương đại, kỳ 3 năm 2014 (陈琪, 管传靖, 中国周边外交的政策调整与新理念, 《当代亚太》2014年3, http://www.cssn.cn/zxx/gjzxx_zxx/201408/t20140825_1303383.shtml?COLLCC=3068267482&), truy cập ngày 10/11/2021.
9. Mạng Bộ Ngoại giao Trung Quốc (2015), “Tập Cận Bình gặp mặt trưởng đoàn đại biểu các nước tham dự lễ ký kết Hiệp định ngân hàng cơ sở hạ tầng châu Á”, <https://www.fmprc.gov.cn/web/zyxw/t1276858.shtml>, truy cập ngày 29/10/2021 (中国外交部, 2015, 习近平会见出席《亚洲基础设施投资银行协定》签署仪式各国代表团团长).
10. Mạng Chính phủ Trung Quốc (2017), “Tập Cận Bình: Quyết thắng xây dựng thành công toàn diện xã hội khá giả giành được thắng lợi vĩ đại Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới – Báo cáo tại Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc”, http://www.gov.cn/zhuanti/2017-10/27/content_5234876.htm, truy cập ngày 27/10/2021 (中国政府网, 2017, 习近平：决胜全面建成小康社会夺取新时代中国特色社会主义伟大胜利——在中国共产党第十九次全国代表大会上的报告).
11. Mạng Lịch sử đảng của Thanh Đảo (2020), Tổng thuật nghiên cứu của giới học giả trong và ngoài nước những năm gần đây về “cục diện biến đổi lớn chưa từng có trong 100 năm qua”, <http://dsyj.qingdao.gov.cn/n28356085/n32568340/n32568359/200806110532556767.html>, truy cập ngày 6/10/2021 (中共青岛党史网, 2020, 近年来国内学术界关于“百年未有之大变局”研究述评).
12. Mạng Nhân dân (2012), “Báo cáo của Hồ Cẩm Đào tại Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc”, <http://cpc.people.com.cn/n/2012/1118/c64094-19612151.html>, truy cập ngày 8/11/2021 (人民网, 2012, 胡锦涛在中国共产党第十八次全国代表大会上的报告).
13. Mạng Tân Hoa (2014), “Tập Cận Bình tham dự Hội nghị Công tác đối ngoại trung ương và có bài phát biểu quan trọng”, http://www.xinhuanet.com/politics/2014-11/29/c_1113457723.htm, truy cập ngày 29/11/2021 (Xinhuanet, 2014, 习近平出席中央外事工作会议并发表重要讲话).
14. Mạng Tân Hoa (2015), “Bài phát biểu của Tập Cận Bình tại Đại học Singapore”, http://www.xinhuanet.com/politics/2015-11/07/c_1117071978_2.htm, truy cập ngày 7/11/2021 (Xinhuanet, 2015, 习近平在新加坡国立大学的演讲 (全文), 2015年11月07日).
15. Mạng Tân Hoa (2017), “Tập Cận Bình tiếp kiến các nhà ngoại giao công tác ở nước ngoài năm 2017 và có bài phát biểu quan trọng”, http://www.xinhuanet.com/politics/leaders/2017-12/28/c_1122181743.htm4, truy cập ngày 13/12/2021 (Xinhuanet, 2017, 习近平接见2017年度驻外使节工作会议与会使节并发表重要讲话).
16. Mạng Tân Hoa (2021), “Bài phát biểu của Tập Cận Bình tại Hội nghị ĐCS Trung Quốc với lãnh đạo các chính đảng trên thế giới”, http://www.xinhuanet.com/politics/leaders/2021-07/06/c_1127628738.htm, truy cập ngày 7/7/2021 (Xinhuanet, 2021, 习近平在中国共产党与世界政党领导人峰会上的主旨讲话).